

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày 20-02-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Dương Văn N, sinh năm 1979 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ Văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Dương Anh H (đã chết) và con bà Trương Thị T, sinh năm 1946; có vợ là chị Vũ Thị M, sinh năm 1980.

Tiền án: 02 tiền án: Ngày 06/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xử phạt 04 năm tù, về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 77/2012/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 25/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án 151/2017/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 13/9/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án 45/2006/HSST.

Ngày 13/8/2008 bị UBND thành phố N, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp đưa vào chữa bệnh tại Trung tâm chữa bệnh – giáo dục – lao động xã hội thành phố N trong

thời hạn 20 tháng theo Quyết định số 5892/QĐ-CT, trong quá trình cai nghiện Dương Văn N bỏ trốn nhiều lần nên chỉ chấp hành thời gian cai nghiện được 12 tháng.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2019, hiện đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Chị Lê Thị B, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Anh Phan M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mai Xuân L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 3, xã Đắk B, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn N là đối tượng không có nghề nghiệp và nơi ở nhất định. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy, N không trở về địa phương sinh sống mà tiếp tục sống lang thang. Để có tiền tiêu xài cá nhân, N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ, ngày 13/9/2019, N đi bộ từ ngã ba K thuộc tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ về hướng tỉnh Bình Phước theo Quốc lộ 14, mục đích là tìm tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến tổ dân phố 6, thị trấn K, N rẽ vào đường bê tông đi thêm khoảng 100m thì đến nhà bà Lê Thị B. Thấy trong sân nhà bà B có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489 nhưng không khóa cổng, N đi vào trong sân dắt chiếc xe này ra đường rồi đẩy xe ra Quốc lộ 14, sau đó tiếp tục đẩy xe về hướng xã H, huyện Đ. Khi đến địa bàn xã H, huyện Đ, N bán chiếc xe này cho một người đàn ông không quen biết làm nghề thu mua phế liệu được số tiền 450.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ, ngày 17/9/2019, N đi bộ từ khu vực trường THPT T thuộc thôn 7, xã W, huyện Đ về hướng xã N, huyện Đ theo Quốc lộ 14, mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến trước nhà ông Phan M ở thôn 7, xã N, huyện Đ, N phát hiện ở hiên nhà ông M có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35 không có người trông coi, N đi vào trong sân dắt chiếc xe này ra ngoài cổng rồi dùng vạm phá ổ khóa xe, sau đó điều khiển xe chạy về xã N, huyện Đ thuê nhà nghỉ. Đến sáng ngày 18/9/2019, N điều khiển xe

chạy vào xã Đ, huyện T cầm cổ xe cho chị Mai Xuân L được số tiền 5.000.000 đồng. Khi cầm cổ, N không nói cho chị L biết xe này do phạm tội mà có. Sau đó, N quay lại nhà nghỉ 48 tại thôn 7, W, huyện Đ thuê phòng nghỉ. Tại đây, N sử dụng số tiền có được do cầm cổ xe để mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết vào mục đích cá nhân. Đến ngày 20/9/2019, Công an xã W phối hợp với Công an huyện Đ kiểm tra hành chính nhà nghỉ thì phát hiện N có cất giấu 01 bộ vam phá khóa xe mô tô nên đã mời về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan điều tra, N đã tự khai ra 02 lần trộm cắp xe mô tô như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đăk R'lấp kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489 trị giá 5.000.000 đồng; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35 trị giá 15.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 20.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 03/CT-VKS-ĐL ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp quyết định truy tố bị cáo Dương Văn N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, không oan. Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Dương Văn N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-9-2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị B số tiền 5.000.000đ (*tương đương giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, BKS 48FA – 1489 theo kết luận định giá tài sản*) và trả lại cho chị Mai Xuân L số tiền 5.000.000đ. Ông Phan M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38M1-094.35 mang tên Nguyễn Văn P và 01 giấy chứng minh nhân dân số 245 195 659 mang tên Phan M do bà Mai Xuân L giao nộp. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe mô tô Honda Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35 do ông do ông Phan M mua lại từ

tiệm cầm đồ C tại thôn 3, xã N, huyện Đ nhưng chưa sang tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 17/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 03, trả lại chiếc xe và các giấy tờ trên cho ông Phan M là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 bộ vạm phá khóa gồm: 01 lục giác dài 07cm có 01 đầu mài đẹp; 01 ống điều dài 15cm và 01 đoạn kim loại màu đồng hình trụ vuông dài 4,5cm, 02 đầu có gắn nam châm (có đặc điểm như trong biên bản tạm giữ ngày 21/9/2019) là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489, bị cáo khai nhận đã bán cho một đàn ông không quen biết làm nghề thu mua phế liệu, tuy nhiên không truy tìm được nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, thu giữ.

Đối với bà Mai Xuân L, có hành vi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38M1-094.35, tuy nhiên khi nhận cầm cố, bà L không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của bà L không cấu thành tội phạm, do đó, không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng đã công bố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 13/9/2019, Dương Văn N đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489 trị giá 5.000.000 đồng của bà Lê Thị B tại tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện Đ và bán cho một người đàn ông không quen biết được số tiền 450.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 37/KLĐGTS ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắc R'lấp chiếc xe có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

Khoảng 21 giờ, ngày 17/9/2019, N tiếp tục lén lút chiếm đoạt chiếc xe Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35 của ông Phan M tại thôn 7, xã N, huyện Đ, sau cầm cố cho chị Mai Xuân L với số tiền 5.000.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 37/KLĐGTS ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắc R'lấp chiếc xe có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 15.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hai lần trộm cắp là 20.000.000 đồng.

Tại Bản án số 151/2017/HSST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, hành vi trộm cắp nêu trên của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Dương Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên xét xử bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tự khai ra hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt: Xét hành vi do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự xã hội. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo phải biết tài sản của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ nhưng với ý thức coi thường pháp luật mà bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác. Do vậy, HĐXX cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với mức độ, hành vi của bị cáo đã gây ra. Đồng thời, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian thì mới bảo đảm được mục đích của hình phạt.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại chị Lê Thị B yêu cầu bị cáo số tiền 5.000.000đồng (*Tương đương giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489*); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Xuân L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với anh Phan M không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng: Xét 01 bộ vạm phá khóa gồm: 01 lục giác dài 07cm có 01 đầu mài đẹp; 01 ống điều dài 15cm và 01 đoạn kim loại màu đồng hình trụ vuông dài 4,5cm, 02 đầu có gắn nam châm là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 17/12/2019 trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 38M1-094.35; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38M1-094.35 và 01 giấy chứng minh nhân dân số 245 195 659 cho anh Phan M là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối chiếc xe mô tô nhãn hiệu FRIEND, biển kiểm soát 48FA-1489, bị cáo khai nhận đã bán cho một đàn ông không quen biết làm nghề thu mua phế liệu, tuy nhiên không truy tìm được nên không đề cập xử lý

[9] Đối với chị Mai Xuân L, có hành vi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38M1-094.35 do bị cáo phạm tội mà có nhưng khi nhận cầm cố, chị L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của chị L không cấu thành tội phạm, do đó không đề cập xử lý.

[10] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'lấp tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên đề nghị mức hình phạt còn thấp chưa đủ sức răn đe nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn mức Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'lấp đề nghị mới đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Dương Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 21/9/2019.

2. Về việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Dương Văn N phải bồi thường cho bị hại chi Lê Thị B số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); và chị Mai Xuân L số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị Bảy, chị Mai Xuân Lành có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa bồi thường số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vạm phá khóa gồm: 01 lục giác dài 07cm có 01 đầu mài đẹp; 01 ống điều dài 15cm và 01 đoạn kim loại màu đồng hình trụ vuông dài 4,5cm, 02 đầu có gắn nam châm (*Có đặc điểm như mô tả trong biên bản thu giữ vật chứng*).

4. Về án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền cáo cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Khiêm